

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01- 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bùi Thị T, sinh năm 1997

Nơi đăng ký HKTT: Phố T (Số nhà M Triệu Quốc Đ mới), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa .

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H , huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Nguyễn Văn G, sinh năm 1993

Nơi đăng ký HKTT: Phố T (Số nhà M Triệu Quốc Đ mới), thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa .

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội X, phân trại số Y, Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, chị T có mặt, anh G vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2023 và các văn bản tố tụng, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh G không quan tâm đến vợ, không chăm lo xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên to tiếng với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. chị T nhiều lần

khuyến nhủ anh G nhưng không được, gia đình hai bên đã nói chuyện giàn xếp nhưng anh G vẫn không thay đổi tính nết. Đến năm 2020, anh G bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa tuyên phạt 7 năm 3 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án tại Đội X phân trại số Y, Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân. chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là: Cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 24/6/2019. chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H. Hiện nay, cháu H đang ở với mẹ và ông bà ngoại là ông Bùi Xuân S và bà Nguyễn Thị C tại thôn Đ, xã H, huyện Triệu Sơn. Cháu H học trường mầm non H cháu ngoan ngoãn, khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Hiếu và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con. Chị có sức khỏe, công việc, thu nhập ổn định 10.000.000/tháng, có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2023, bị đơn là anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/3/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2020, anh G bị Tòa án xử về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hiện nay đang chấp hành án tại Đội X phân trại số Y, Trại giam T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 24/6/2019, cháu đang ở với chị T. Anh đồng ý cho chị T nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 25/12/2023 tại UBND xã H, huyện Triệu Sơn thể hiện: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn G có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T sinh sống với gia đình chồng tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn. Chính quyền địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn giữa chị T và anh G. Hiện nay, chị T đang sinh sống với bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã H, huyện T. chị T và anh G có một con chung là cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 24/6/2019, cháu đang ở với chị T ở nhà ông bà ngoại. Cháu khỏe mạnh, phát triển tốt, được đi học đầy đủ, không bị đánh đập bạo hành. chị T làm công nhân, có sức khỏe, thu nhập ổn định, không vi phạm pháp luật, có đủ điều kiện nuôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 55,81,82,83 LHNGĐ: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn G. Về con chung giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 24/6/2019, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: chị T khởi kiện xin ly hôn anh G cư trú tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh G vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/3/2018 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp. Năm 2020, anh G bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa tuyên phạt 7 năm 3 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và đang chấp hành án tại Đội X phân trại số Y, Trại giam T, huyện Nh, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. chị T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn G. anh G cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn G.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: cháu Nguyễn Văn Hiếu sinh ngày 24/6/2019. Xét chị T có công việc và thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. anh G cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Hiếu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn G.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Nguyễn Văn H sinh ngày 24/6/2019. Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hiếu đến khi cháu đủ 18 tuổi. anh G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2021/00002666 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND TT T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu